

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH SƠN LA
TRƯỜNG PTDTNT THCS VÀ THPT YÊN CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Châu, ngày 15 tháng 11 năm 2025

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1. Tổng số học sinh của trường	381 Học sinh			
2. Số học sinh cấp cơm	4 Học sinh			
3. Số học sinh ăn sáng:	377 Học sinh	Tiền ăn:	7,000 đồng	= 2,639,000 đồng
5. Số học sinh ăn trưa:	377 Học sinh	Tiền ăn:	24,000 đồng	= 9,048,000 đồng
6. Số học sinh ăn tối:	377 Học sinh	Tiền ăn:	24,000 đồng	= 9,048,000 đồng
8. Tiền thu:	20,735,000 đồng			
9. Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	20,735,000 đồng			
10. Tiền thiếu:	0 đồng			

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	113.1	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	15.0	50,000	750,000	
3	Nước mắm	Lít	5.0	13,800	69,000	
4	Mỳ chính	Kg	2.0	55,000	110,000	
5	Bột canh	Kg	4.0	20,000	80,000	
6	Muối trắng	Kg	4.0	7,000	28,000	

7	Nước rửa bát	Lít	6.0	38,000	228,000	
8	Nước lau nhà	Lít	6.0	30,000	180,000	
9	Gas đun bếp	Kg	25.0	36,000	900,000	
10	Gạo nếp (Xôi sáng)	Kg	47.0	25,000	1,175,000	
11	Thịt Xay(ăn xôi+ Xào bí non+ canh bí đỏ)	Kg	18.0	120,000	2,160,000	
12	Thịt lợn rang	Kg	56.0	120,000	6,720,000	
13	Bí non (Xào Thịt)	Kg	45.0	10,000	450,000	
14	Cải ngọt (canh)	Kg	22.0	12,000	264,000	
15	Thanh Long	Kg	28.0	20,000	560,000	
16	Gà chiên	Kg	68.0	80,000	5,440,000	
17	Bắp cải xào	Kg	44.0	12,000	528,000	
18	Bí đỏ (canh)	Kg	22.1	10,000	221,000	
19	Dưa hấu	Kg	28.0	20,000	560,000	
20	Bột chiên giòn	Kg	4.0	28,000	112,000	
21	Hành khô	Kg	1.0	40,000	40,000	
22	Tỏi	Kg	2.0	40,000	80,000	
23	Hành lá	Kg	2.0	40,000	80,000	
					20,735,000	

BỘ PHẬN NHÀ BẾP

hường

Lò Thị Hương

THANH TRA NHÂN DÂN

ks

Hoàng Thái Bình

BỘ PHẬN KẾ TOÁN

U

Tạ Hải Yến

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG



Lưu Văn Khải

KẾ TOÁN CÔNG TY

Van

Nguyễn Thị Như Vân

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Văn Hải

